

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2025/DS-PT**

Ngày: 05-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2025; các Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, số 223/2025/QĐPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 và số 292/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Thanh X, sinh năm 1972.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh D - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:*

Vào năm 2023, ông Nguyễn Thành C có cho ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D vay số tiền 250.000.000đ, như sau: Ngày 22/04/2023, vợ chồng ông X, bà D vay của ông C số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông X và bà D có viết giấy vay tiền xác nhận nội dung có vay ông để kinh doanh nhà nghỉ. Sau đó ông X, bà D có hỏi vay thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), nhưng lần này ông X, bà D không làm giấy vay tiền.

Số tiền vay 250.000.000đ nói trên, ông C chuyển khoản vào tài khoản của ông X mở tại Ngân hàng Quốc tế (VIB) và đưa tiền mặt, các lần cụ thể như sau: Ngày 22/04/2023, chuyển khoản 100.000.000đ; Ngày 28/04/2023, chuyển khoản 47.000.000đ và đưa 3.000.000đ tiền mặt; Ngày 05/5/2023, chuyển khoản 100.000.000đ.

Khi vay hai bên thỏa thuận miệng với mức lãi suất của khoản vay là 3%/tháng. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 22/4/2023. Quá trình thực hiện, ông X, bà D đã trả cho ông C được 03 tháng tiền lãi gồm các tháng 6, 7, 8/2023 được tổng cộng là 22.500.000đ, các bên không lập văn bản giao nhận tiền lãi. Ngoài số tiền lãi của 3 tháng kể trên, ông X và bà D không trả cho ông C bất kỳ khoản gốc và tiền lãi nào.

Ngày 10/10/2023, ông C có đến địa điểm kinh doanh của ông X, bà D để thông báo và yêu cầu trả nợ, nhưng ông X, bà D không chịu thanh toán.

Tại phiên tòa, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D cùng phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền gốc là 250.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,5%/tháng tính từ ngày 05/5/2023 đến ngày Tòa án xét xử, sau khi trừ khoản tiền lãi ông đã nhận, còn lại ông X và bà D phải trả cho ông theo quy định.

** Theo ông Nguyễn Ngọc Đ là người đại diện ủy quyền của bị đơn tại cấp sơ thẩm trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh D là chị ruột cùng cha khác mẹ với ông Nguyễn Thành C. Vào khoảng giữa năm 2023, vợ chồng Nguyễn Thị Thanh D, ông Phạm Thanh X có thực hiện hoạt động kinh doanh nhà nghỉ, bà D và ông X có ngỏ lời vay ông C 200.000.000 đồng. Ông C vui vẻ đồng ý giúp cho vay và không lấy tiền lãi, ông C còn hào phóng nói sẽ cho bà D 50.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn.

Theo đó, ngày 22/04/2023 bà D và ông X có làm giấy vay tiền của ông C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không có lãi suất, đồng thời hẹn 01 năm sau sẽ trả lại tiền gốc. Sau khi ký giấy xong, cùng ngày 22/04/2023, ông C chuyển khoản vào tài khoản mang tên Phạm Thanh X số tiền 100.000.000 đồng (trong đó cho vay 50.000.000 đồng và cho vốn làm ăn 50.000.000 đồng). Vào ngày 25/04/2023 và ngày 05/5/2023, ông C tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản mang tên ông X với tổng số tiền là 147.000.000 đồng, đồng thời ông C đến gặp bà D đưa thêm 3.000.000 đồng tiền mặt cho đủ 150.000.000 đồng. Như vậy, cộng cả chuyển khoản lẫn tiền mặt, ông X và bà D đã nhận là 250.000.000 đồng (trong

đó cho vay không lấy lãi là 200.000.000 đồng và cho vốn làm ăn là 50.000.000 đồng).

Trong quá trình kinh doanh, bà D đã đưa tiền mặt trả dần nợ gốc cho ông C, như sau: Ngày 21/05/2023, bà D đưa cho ông C số tiền là 12.000.000 đồng; Tháng 06/2023, bà D đưa cho ông C số tiền là 12.000.000 đồng; Tháng 7/2023, bà D đưa cho ông C số tiền là 10.000.000 đồng; Tháng 8/2023, bà D đưa cho ông C số tiền là 10.000.000 đồng; Tháng 9/2023, bà D đưa cho ông C số tiền là 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng. Do là chị em nên giữa bà X và ông C không lập văn bản giao nhận tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, nay ông đại diện cho ông X và bà D không đồng ý trả lại số tiền 50.000.000 đồng là tiền ông C đã cho để làm ăn; đồng thời yêu cầu cần trừ số tiền 50.000.000 đồng mà bà D đã trả trong khoản tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Do khoản vay các bên không thỏa thuận lãi, nên ông X, bà D đồng ý trả số tiền gốc cho ông C là 150.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 08/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền nợ tổng cộng là 265.376.712đ, trong đó tiền nợ gốc 250.000.000đ, tiền lãi là 15.376.712đ. Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành bản án của Tòa án.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 11/11/2024, bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận trả một phần yêu cầu về nợ gốc, không chấp nhận yêu cầu về lãi vay của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo bà Nguyễn Thị Thanh D thay đổi một phần nội dung kháng cáo về lãi vay, bà đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

+ Về kháng cáo: Bị đơn, người kháng cáo không chứng minh được tiền gốc và lãi đã trả, cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Thanh D gửi đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo:

[2.1] Về nợ vay: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D trực tiếp khai nhận từ ngày 22/4/2023 đến ngày 05/5/2023 có mượn của nguyên đơn ông Nguyễn Thành C tổng cộng số tiền 250.000.000đ, thời hạn vay một năm, lãi suất vay 5%/tháng, bị đơn có viết giấy vay với số tiền 200.000.000đ vào ngày 22/4/2023. Quá trình vay đã trả nợ vay nhiều đợt tổng cộng 50.000.000đ, chỉ còn nợ lại 200.000.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận nên cấp sơ thẩm xác định bị đơn chưa trả nợ gốc, còn nợ nguyên đơn số tiền 250.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Về lãi vay: Bị đơn trình bày lãi vay hai bên thỏa thuận là 5%/tháng, đã trả lãi đến tháng 9/2023 thì ngưng do kinh doanh gặp khó khăn nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Theo nguyên đơn trình bày thì lãi vay hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng (tức 36%/năm) và đã nhận của bị đơn được 03 tháng tiền lãi (tháng 6, 7, 8/2023) với số tiền là 22.500.000đ. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định các bên có tranh chấp về lãi suất, căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự và thời điểm tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, xác định lãi vay từ ngày 05/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2024 với số tiền $(250.000.000đ \times 553\text{ngày} \times 10\%) / 365\text{ngày} = 37.876.712đ$, bị đơn đã trả 22.500.000đ, còn phải trả là 15.376.712đ là có căn cứ.

Từ nhận định trên thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh D.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo án sơ thẩm đã tuyên là 13.268.835đ. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phát vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C đối với ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D cùng có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền nợ tổng cộng là 265.376.712đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó tiền nợ gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi là 15.376.712đ (*Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh X và bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 13.268.835đ (*Mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng*). Hoàn trả ông Nguyễn Thành C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.375.000đ (*Bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003882 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004726 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về việc thi hành bản án của Tòa án: Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hưng